

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VIỆT YÊN
TỈNH BẮC GIANG**

Bản án số:32/2019/HS-ST

Ngày: 07-5-2019

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG.

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lương Thị Thanh Quyên

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Quang Kim

Ông Hoàng Văn Tấn

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đoàn Thị Thúy Nga – Thư ký TAND huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

- *Đại diện VKSND huyện Việt Yên tham gia phiên tòa:* Ông Phạm Văn Công– Kiểm sát viên.

Trong ngày 07/5/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Việt Yên tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 28/2019/HSST ngày 25/3/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử 28/2019/QĐXXST – HS ngày 24/4/2019 đối với bị cáo:

1. Họ và tên: **Trịnh Viết T**- Sinh năm 1990

HKTT: Thôn Q, xã N, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang;

Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ học vấn: 09/12.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Bố đẻ: Trịnh Viết L- sinh năm 1959. Nghề nghiệp: Làm ruộng;

Mẹ đẻ: Phạm Thị T- sinh năm 1958. Nghề nghiệp: Làm ruộng;

Vợ: Thạch Thị T- sinh năm 1993. Nghề nghiệp: Lao động tự do;

Con: Có 01 con sinh năm 2009;

Đều trú quán: Thôn Q, xã N, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang;

Anh, chị em: Gia đình có 04 anh em, bị cáo là con thứ ba;

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Ngày 20/07/2010, bị Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang xử phạt 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 25 tháng 20 ngày kể từ ngày tuyên án về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Ngày 13/4/2015, bị Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang xử phạt 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo chấp hành xong hình phạt của bản án ngày 09/02/2016.

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/01/2019. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang và có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

Anh Từ Văn T– Sinh năm 1995(Có mặt)

Địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1.Chị Ngô Thị T– Sinh năm 1995(Có mặt)

Địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

2.Anh Nguyễn Vĩnh S– Sinh năm 1976(Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 18, phường T, quận L, thành phố Hà Nội

Người làm chứng:

1.Ông Lê Đức T- Sinh năm 1947 (Xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn M, xã H, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

2.Anh Từ Văn B– Sinh năm 1999 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

3.Chị Bùi Thị N – Sinh năm 1992 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trịnh Việt T- sinh năm 1990, trú quán: Thôn Q, xã N, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang và Bùi Thị N- sinh năm 1992, trú quán: thôn T, xã T, huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình sống chung với nhau tại khu nhà trọ của ông Lê Đức T, sinh năm 1947, ở thôn M- xã H, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

Khoảng 09 giờ ngày 02/01/2019, T đang ở phòng trọ thì phát hiện thấy xe mô tô nhãn hiệu Exciter, biển kiểm soát 98E1-438.13 của anh Từ Văn T- sinh năm 1995, trú quán thôn C, xã T, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang ở cùng khu trọ dựng ở góc cầu thang, xung quanh không có người trông coi nên nảy sinh ý định trộm cắp đem bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. T lấy mũ lưỡi chai đội đầu và bịt khẩu trang nhằm tránh bị phát hiện rồi cầm theo 01 chìa khóa xe mô tô (T khai nhận được trước đó) đi tới chỗ để xe của anh T, thấy xe không khóa càng. Sau đó, T ngồi lên xe dùng chìa khóa xe mô tô đem theo tra vào ổ khóa vặn theo chiều kim đồng hồ, thấy đèn mo sáng. Phá được khóa, T nổ máy điều khiển xe ra đường vành đai cao tốc, mục đích đem về huyện Lục Nam tìm nơi tiêu thụ. Khi đi đến khu vực cây xăng xã T, huyện Việt Yên do sợ bị phát hiện nên điều khiển xe quay lại vào nghĩa trang ở thôn M, xã H, huyện Việt Yên cất giấu vào bụi cây rồi đi bộ về phòng trọ. Khoảng 08 giờ ngày

03/01/2019, T đi bộ ra chỗ giấu xe trộm cắp, lấy xe điều khiển đến hầm chui đường bộ đoạn qua đường cao tốc thuộc thôn M, xã H, huyện Việt Yên thì dừng xe lại, gọi điện rủ chị N đi xuống tỉnh Bắc Ninh chơi. Sau đó, T điều khiển xe trộm cắp chở N đến huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh chơi với một người bạn mới quen tên là H quê ở huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang (T khai không biết họ tên, địa chỉ cụ thể). Trong lúc đi chơi, T đóng khóa từ của xe, sau không mở được khóa điện nên đem xe vào cửa hàng sửa chữa xe mô tô không quen biết ở huyện Quế Võ thay ổ khóa rồi điều khiển xe chở N về phòng của bạn mới quen chỉ biết tên D quê ở huyện Lục Nam (T khai không biết họ tên đệm, địa chỉ cụ thể) đang ở và làm nhân viên bán hàng tại cửa hàng thịt chó của ông Thân Văn Đ- sinh năm 1962, ở thôn M, xã H, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang chơi và ngủ qua đêm. Khoảng 07 giờ ngày 04/01/2019, sau khi N đi làm, T dùng điện thoại gọi điện rủ bạn chỉ biết tên H quê ở tỉnh Lạng Sơn (T khai không biết họ tên đệm, địa chỉ cụ thể) đi xuống thành phố Hà Nội bán xe và hẹn gặp nhau vào 08 giờ ngày 05/01/2019 tại cầu vượt đường cao tốc ở ngã ba Đình Trám. Khoảng 08 giờ ngày 05/01/2019, T điều khiển xe mô tô trộm cắp đến điểm hẹn gặp H. Tại đây, T mở cốp xe của anh T thấy bên trong có đăng ký xe mô tô cùng giấy chứng nhận bảo hiểm xe mô tô biển kiểm soát 98E1-438.13 đều mang tên anh T và 01 chứng minh nhân dân mang tên Ngô Thị T, sinh năm 1996 (vợ anh T) nên cầm toàn bộ giấy tờ trên đút vào túi quần rồi cùng H đi xe trộm cắp đến cửa hàng mua bán xe mô tô cũ ở số 498, đường Ng, phường G, quận Long Biên, TP. Hà Nội do anh Nguyễn Vĩnh S- sinh năm 1976, trú quán: tổ 18, phường Thuận Thanh, quận Long Biên, thành phố Hà Nội làm chủ để bán xe. Tại đây, T nói dối anh S là xe mô tô mua lại của người khác, hiện không đem giấy mua bán rồi bán xe cùng đăng ký xe mô tô của anh T cho anh S với giá 22.000.000đồng. Do T không cung cấp được giấy mua bán xe nên anh S giữ lại chứng minh nhân dân của T và trả trước cho T 20.000.000đồng rồi hẹn T khi nào mang giấy tờ mua bán xe giữa T với chủ xe thì trả nốt 2.000.000đồng cùng chứng minh nhân dân của T. Sau khi lấy được tiền, T cùng H đi xe buýt về Bắc Giang, trên đường về đến tỉnh Bắc Ninh, H xuống xe bỏ đi còn T tiếp tục đi xe buýt về thôn M- xã H- huyện Việt Yên rủ N đi ăn cơm. Sau đó, T cùng N đi xe buýt về nhà T ở huyện Lục Nam chơi. Toàn bộ tiền bán xe, T ăn tiêu cá nhân hết. Sau khi mua xe mô tô của T, khoảng 02 ngày sau, anh Nguyễn Vĩnh S đã bán lại xe mô tô cùng đăng ký xe mang tên anh T cho người không quen biết được 25.000.000đồng.

Ngày 06/01/2019, anh T đến Công an huyện Việt Yên trình báo về việc bị trộm cắp chiếc xe mô tô trên.

Ngày 08/01/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an huyện Việt Yên tiến hành xác định hiện trường và thu giữ được Camera ghi lại hình ảnh T trộm cắp xe mô tô của anh T.

Ngày 09/01/2019, T đến Công an huyện Việt Yên đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp xe mô tô của anh T đồng thời giao nộp 01 áo khoác, 01 mũ lưỡi

chai màu đen và 01 chìa khóa xe mô tô T mặc và sử dụng khi trộm cắp xe mô tô của anh T.

Ngày 10/01/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an huyện Việt Yên tiến hành khám xét khẩn cấp nhà và phòng trọ của T. Kết quả: thu giữ tại nhà T 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên chị T và 01 giấy bảo hiểm xe mô tô của anh T. Thu tại phòng trọ: 01 thanh kim loại hình chữ “L” và 01 thanh kim loại hình tròn (một đầu lục giác, một đầu dẹt) T khai nhận được trước đó và để ở phòng trọ.

Cùng ngày 10/01/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an huyện Việt Yên, thu giữ của anh Nguyễn Vĩnh S: 01 chứng minh nhân dân của T, 01 bản sao giấy mua bán xe mô tô Exciter, biển kiểm soát: 98E1-438.13 giữa T với anh S.

Ngày 14/01/2019, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Việt Yên định giá và kết luận: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Exciter, biển kiểm soát: 98E1-438.13 trị giá 25.000.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 24/CT - VKSVY ngày 25/3/2019 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên đã truy tố bị cáo Trịnh Viết T ra trước Tòa án nhân dân huyện Việt Yên để xét xử bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS 2015.

Tại phiên tòa: Bị cáo Trịnh Viết T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố. Viện kiểm sát truy tố bị cáo là không oan, bị cáo nhận thức được hành vi vi phạm pháp luật của mình là sai, bị cáo rất hối hận, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt. Về phần trách nhiệm dân sự, bị cáo chưa bồi thường gì cho anh T, đến nay bị cáo nhất trí bồi thường theo yêu cầu của anh T trị giá chiếc xe máy là 25.000.000 đồng và cũng nhất trí với giá Hội đồng đã định giá nhưng bị cáo chưa có tiền để bồi thường cho anh T. Đối với 01 áo khoác, 2 thanh kim loại bị cáo đề nghị tiêu hủy. Ngoài ra, tại phiên tòa hôm nay bị cáo khai cầm, cấm xe cho anh S chứ không bán xe cho anh S nhưng bị cáo không có tài liệu cung cấp cho Hội đồng xét xử về việc bị cáo cầm, cấm xe như bị cáo trình bày.

Bị hại: Anh Từ Văn T yêu cầu bị cáo bồi thường cho anh giá trị chiếc xe là 25.000.000 đồng và yêu cầu được nhận lại bảo hiểm xe máy của mình.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chị Ngô Thị T đề nghị được xin lại chứng minh thư nhân dân của chị và chị nhất trí với yêu cầu của anh T về việc yêu cầu bị cáo T bồi thường cho anh T trị giá chiếc xe máy là 25.000.000 đồng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Vĩnh S và những người làm chứng vắng mặt, HĐXX công bố lời khai của anh S và những người làm chứng. Bị cáo không có ý kiến gì về những lời khai đó.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên vẫn giữ nguyên quan điểm như cáo trạng đã truy tố. Sau khi phân tích tính chất vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trịnh Viết T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

-Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1,2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự 2015.

Xử phạt bị cáo Trịnh Viết T từ 18 đến 24 tháng tù.Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam 10/01/2019.

Do bị cáo không có việc làm, không có tài sản riêng, đang nuôi con nhỏ nên không cần áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng Điều 584; Điều 585; Điều 589 BLDS; khoản 1 Điều 48 BLHS 2015; Điều 30 BLTTDS.

Buộc bị cáo Trịnh Viết T bồi thường cho anh Từ Văn T 25.000.000 đồng.

Về vật chứng: Áp dụng điểm a,b khoản 1, 2 Điều 47 BLHS 2015; điểm a,c khoản 2, khoản 3 Điều 106 BLTTHS 2015.

- Trả lại cho anh Từ Văn T01 giấy chứng nhận bảo hiểm mô tô BKS 98E - 438.13.

- Trả lại cho chị T 01 chứng minh thư nhân dân mang tên Ngô Thị T.

- Trả lại cho bị cáo T 01 chứng minh thư nhân dân mang tên Trịnh Viết T.

- Tịch thu tiêu hủy 01 mũ lưỡi trai, 01 chìa khóa xe mô tô, 01 thanh kim loại hình chữ L, 01 thanh kim loại một đầu lục giác một đầu dẹt, 01 áo khoác.

- Truy thu sung công quỹ nhà nước số tiền 5.000.000 đồng tiền thu lời bất chính của anh Nguyễn Vĩnh S.

Ngoài ra, cần áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS 2015; Điều 23, Điều 26 Nghị quyết 326/NQ – UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, DSST theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên toà. Căn cứ vào kết quả tranh luận, trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, lời khai của bị cáo, người liên quan, qua công bố lời khai của người liên quan và người làm chứng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Việt Yên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên, Kiểm sát viên trong quá trình Điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình Điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát và Kiểm sát viên đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Trịnh Viết T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình gây ra. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị

hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 08 giờ ngày 02/01/2019, Trịnh Viết T, sinh năm 1990, trú quán: Thôn Q, xã N, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang có hành vi lén lút trộm cắp 01 xe mô tô nhãn hiệu Exciter, biển kiểm soát: 98E1-438.13 trị giá 25.000.000đồng của anh Từ Văn T, sinh năm 1995, trú quán: thôn Cà Phê, xã Tân Lập, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang đang dựng tại góc cầu thang khu nhà trọ của ông Lê Đức T, sinh năm 1947, ở thôn M- xã H, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang. Sau khi trộm cắp được xe mô tô của anh T, T mang bán cho anh Nguyễn Vĩnh S, sinh năm 1976, trú quán: tổ 18, phường T, quận L, thành phố Hà Nội với giá 22.000.000đồng, nhưng anh S mới trả trước cho T 20.000.000đồng. Toàn bộ tiền bán xe mô tô trộm cắp, T ăn tiêu cá nhân hết.

[3] Như vậy, hành vi của bị cáo Trịnh Viết T đã cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp với giá trị tài sản là 25.000.000 đồng. Do vậy, cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS 2015 là hoàn toàn có căn cứ.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, làm mất trật tự trị an xã hội tại địa phương, do vậy cần phải xử lý nghiêm bị cáo bằng pháp luật hình sự mới đảm bảo tính giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Tuy nhiên khi lượng hình, Hội đồng xét xử cũng xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết định mức án phù hợp với hành vi phạm tội của bị cáo.

[5] Về nhân thân: Bị cáo là người có nhân thân xấu. Ngày 20/07/2010, bị Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang xử phạt 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 25 tháng 20 ngày kể từ ngày tuyên án về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngày 13/4/2015, bị Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang xử phạt 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo chấp hành xong hình phạt của bản án ngày 09/02/2016.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên toà hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Ngoài ra, sau khi phạm tội bị cáo đã tự nguyện ra đầu thú. Đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1,2 Điều 51 BLHS cần áp dụng cho bị cáo.

[8] Xét tính chất mức độ, hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo, điều luật đã viện dẫn. Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo là người có nhân thân xấu, đã nhiều lần bị Tòa án đưa ra xét xử về tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo mới chấp hành xong hình phạt tù được một thời gian nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để rèn luyện, tu dưỡng bản thân mà tiếp tục phạm tội. Điều đó có thể thấy cần phải tiếp tục cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ để giáo dục bị cáo trở thành người tốt cho xã hội.

Bị cáo hiện không có nghề nghiệp và không có tài sản riêng, đang nuôi con nhỏ nên không cần áp dụng hình phạt tiền là hình phạt bổ sung đối với bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

[9] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:

Bị cáo chưa bồi thường cho bị hại là anh Từ Văn T25.000.000 đồng giá trị chiếc xe mô tô bị mất. Do vậy cần áp dụng Điều 584; Điều 585; Điều 589 BLDS; Điều 48 BLHS 2015; Điều 30 BLTTDS để buộc bị cáo phải bồi thường cho anh T số tiền 25.000.000 đồng.

Về vật chứng: Áp dụng điểm a,b khoản 1, 2 Điều 47 BLHS 2015; điểm a,c khoản 2, khoản 3 Điều 106 BLTTHS 2015.

- Trả lại cho anh Từ Văn T 01 giấy chứng nhận bảo hiểm mô tô BKS 98E - 438.13.

- Trả lại cho chị T 01 chứng minh thư nhân dân mang tên Ngô Thị T.

- Trả lại cho bị cáo T 01 chứng minh thư nhân dân mang tên Trịnh Viết T vì là giấy tờ tùy thân của bị cáo.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 mũ lưỡi trai, 01 chìa khóa xe mô tô (bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nhưng có giá trị không đáng kể) và 01 thanh kim loại hình chữ L, 01 thanh kim loại một đầu lục giác một đầu dẹt, 01 áo khoác (là đồ vật và đồ dùng sinh hoạt của bị cáo không sử dụng vào việc phạm tội nhưng có giá trị không đáng kể và bị cáo đề nghị tiêu hủy).

- Truy thu sung công quỹ nhà nước số tiền 5.000.000 đồng tiền thu lời bất chính của anh Nguyễn Vĩnh S.

[10] Đối với Bùi Thị N, trong quá trình sinh sống với T, không biết T trộm cắp xe mô tô của anh T nên Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an huyện Việt Yên không đề cập xử lý là có căn cứ.

Đối với những người đàn ông tên H, D, H là những người cho T ở nhờ, đi bán xe mô tô cùng T, nhưng đều không biết hành vi phạm tội của T, không xác định được địa chỉ nên Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an huyện Việt Yên không đề cập xử lý là có căn cứ.

Đối với anh Nguyễn Vĩnh S, khi mua xe mô tô nhãn hiệu Exciter, biển kiểm soát: 98E1-438.13 từ T, không biết là xe do T trộm cắp mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an huyện Việt Yên không đề cập xử lý là có căn cứ.

Đối với đăng ký xe mô tô cùng xe mô tô của anh T, anh S khai đã bán cho người không quen biết và chiếc khẩu trang bị mất khi trộm cắp cùng điện thoại di động T sử dụng liên lạc khi bán xe trộm cắp T khai rơi mất không biết rơi ở đâu nên Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an huyện Việt Yên không thu giữ được.

Đối với lời khai của T tại phiên tòa hôm nay về việc bị cáo cầm, cầm chiếc xe Exciter cho anh Nguyễn Vĩnh S chứ không phải bán cho anh S nhưng T không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh T cầm, cầm xe cho anh S nên lời khai của T là không có căn cứ.

[11] Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng vắng mặt tại phiên toà nhưng đã có lời khai tại Cơ quan điều tra. Việc vắng mặt người liên quan, người làm chứng không ảnh hưởng đến việc xét xử cho nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 292, 293 Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

Ngoài ra cần áp dụng Điều 23, Điều 26 Nghị quyết 326/NQ – UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; khoản 2 Điều 136; các Điều 331, 332, 333 Bộ luật tố tụng hình sự để buộc bị cáo phải chịu án phí HSST, DSST và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

- Tuyên bố: Bị cáo **Trịnh Viết T** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự 2015.

Xử phạt bị cáo **Trịnh Viết T** 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam 10/01/2019.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584; Điều 585; Điều 589 BLDS; Điều 48 BLHS 2015; Điều 30 BLTTDS. Buộc bị cáo **Trịnh Viết T** phải bồi thường cho anh **Từ Văn T** số tiền 25.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS 2015.

- Về vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1, 2 Điều 47 BLHS 2015; điểm a, c khoản 2, khoản 3 Điều 106 BLTTHS 2015.

- Trả lại cho anh **Từ Văn T** 01 giấy chứng nhận bảo hiểm mô tô BKS 98E - 438.13.

- Trả lại cho chị **T 01** chứng minh thư nhân dân mang tên **Ngô Thị T**.

- Trả lại cho bị cáo **T 01** chứng minh thư nhân dân mang tên **Trịnh Viết T**.

- Tịch thu tiêu hủy 01 mũ lưỡi trai, 01 chìa khóa xe mô tô, 01 thanh kim loại hình chữ L, 01 thanh kim loại một đầu lục giác một đầu dẹt, 01 áo khoác.

- Truy thu sung công quỹ nhà nước số tiền 5.000.000 đồng tiền thu lời bất chính của anh **Nguyễn Vĩnh S**.

- Về án phí và quyền kháng cáo: Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS 2015; Điều 23, Điều 26 Nghị quyết 326/NQ – UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; các Điều 331, 332, 333 Bộ luật tố tụng hình sự 2015, buộc bị cáo **T** phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 1.250.000 đồng án phí DSST.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho bị cáo, bị hại, người liên quan có mặt biết quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người liên quan vắng mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh (1 b);
- VKSND tỉnh Bắc Giang.
- VKSND huyện Việt Yên(2b);
- T.H.A.(4 b);
- Lưu HS.VP (1 b);
- Công an huyện Việt Yên;
- Bị cáo, bị hại, người liên quan.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(Đã ký)

Lương Thị Thanh Quyên